

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/HNGĐ-ST

Ngày 02/03/2026

“V/v Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Trọng Việt Anh
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ng Bình và ông Nguyễn Văn Thiện
- *Thư ký phiên toà:* Ông Trần Long Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8 - Gia Lai

Trong ngày 02 tháng 03 năm 2026, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Gia Lai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2025/TLST-HNGĐ ngày 04/12/2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, Tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Y , sinh năm 1986; Địa chỉ: Đội 7, Xã P, tỉnh G (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
- Bị đơn: Anh Phạm Ng , sinh năm 1987; Địa chỉ: Đội 7, Xã P, tỉnh G (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Y trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Y và anh Phạm Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh G và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 125, ngày 24/12/2007.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại Đội 7, Công ty Bình Dương, xã P, tỉnh G, đến năm 2010 khi chị mang bầu đứa con thứ 2 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Ng thường xuyên rượu chè, chơi bời, không chịu làm ăn và ghen tuông vô cớ, chị Y đã làm đơn ly hôn gửi ra Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn, nhưng do anh Ng hứa sẽ sửa chữa, chăm lo cho gia đình vợ con, được Tòa án hoà giải, do vẫn còn tình cảm vợ chồng với anh Ng , vì thương các con muốn các con có một gia đình đủ cả cha mẹ nên chị đã rút đơn khởi kiện, vợ chồng quay về đoàn tụ, tiếp tục chung sống với nhau. Tuy nhiên, sau đó anh Ng không những

không sửa đổi mà ngày càng bê tha hơn, thường xuyên tụ tập bạn bè, rượu chè nhiều hơn, không quan tâm cho chị và các con, đến tháng 8/2022 thì mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng, chị Y và các con đã về nhà ngoại sinh sống, không còn sống chung với anh Ng nữa, ly thân từ đó đến nay. Nay chị thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Phạm Ng

- Về con chung: Chị và anh Ng có 02 người con chung gồm: Phạm Long Nhật, sinh ngày 07/10/2008 và Phạm Quốc Việt, sinh ngày 21/10/2010. Hiện các con đang do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện chị Y làm nghề nhân viên giao hàng cho J&T, thu nhập bình quân 10.000.000 đồng/tháng, có chỗ ở ổn định, sức khỏe bình thường. Do đó, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhật và cháu Việt cho đến khi các con trưởng thành.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đối với bị đơn anh Phạm Ng :

Tại buổi hòa giải ngày 12 tháng 02 năm 2026, anh Ng trình bày:

Về hôn nhân: Trong quá trình chung sống thì ban đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng, nguyên nhân chủ yếu tới từ vấn đề kinh tế, trước đây anh Ng làm công nhân cao su tại xã Ia Púch, kinh tế hoàn toàn phụ thuộc vào đồng lương ít ỏi, ngoài ra không thể làm ăn gì thêm, mọi chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình vì thế cũng chật chiu, eo hẹp. Anh Ng có chia sẻ với chị Y và mong chị Y thấu hiểu, thông cảm nhưng chị Y lại trách móc, lời qua tiếng lại khiến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Tuy vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh Ng vẫn muốn hàn gắn tình cảm gia đình nên không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Y .

- Về con chung và trách nhiệm nuôi dưỡng: Có 02 con chung là Phạm Long Nhật, sinh ngày 07/10/2008 và Phạm Quốc Việt, sinh ngày 21/10/2010. Hiện cả 02 con chung đang sinh sống cùng với bà Y . Nếu phải ly hôn, anh Ng đồng ý giao 02 cháu Phạm L và Phạm V cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn: Bà Yên không yêu cầu anh Ng phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn thì tôi đồng ý.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Toà án vào ngày 12/2026, anh Ng có đơn xin vắng mặt tại phiên toà đồng thời có ý kiến trình bày rằng anh vẫn muốn hàn gắn gia đình, nhưng nếu chị Y vẫn cương quyết ly hôn thì anh vẫn chấp nhận để chị Y giải quyết ly hôn đơn phương, anh xin vắng mặt tại các phiên tòa vì lý do đi làm ăn xa.

Về con chung: Các con có nguyện vọng thế nào thì anh đồng ý như thế.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Vụ án thuộc trường hợp đại diện Viên kiểm sát không tham gia phiên tòa nên không có ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm Ng, địa chỉ cư trú tại: Đội 7, Xã P, tỉnh G Theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Gia Lai.

[1.2] Chị Nguyễn Y và anh Phạm Ng đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Y và anh Ng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo đầy đủ các điều kiện kết hôn, đã đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, theo đúng trình tự, thủ tục luật định và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn, do đó hôn nhân của chị Y và anh Ng là hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[2.2]. Xét yêu cầu của chị Y về việc được ly hôn anh Ng, thấy rằng: Chị Y và anh Ng sau thời gian dài chung sống hạnh phúc thì đến nay không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống nữa, đã ly thân từ tháng 08/2022 cho đến nay, hiện không còn sống chung nhà với nhau, quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổ chức hoà giải đoàn tụ nhưng không thành, xác nhận của chính quyền địa phương nơi anh Ng và chị Y sinh sống cũng thể hiện trình trạng hôn nhân của Ng và chị Y có mâu thuẫn, đã ly thân, anh chị có 02 người con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh Ng đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị Y yêu cầu ly hôn anh Ng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình. Nên Hội đồng xét xử cho chị Y được ly hôn anh Ng.

[2.3]. Xét yêu cầu của chị Y về việc được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con thấy rằng: Chị Y và anh Ng có 02 người con chung là cháu Phạm L, sinh ngày 07/10/2008 và Phạm V, sinh ngày 21/10/2010, hiện các con đều do chị Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, xét các điều kiện nuôi con và căn cứ vào quyền lợi về mặt của cháu Nhật, Việt, nhằm đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho các con, căn cứ vào nguyện vọng của cháu Nhật, Việt là muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn thì việc giao cháu Nhật, Việt cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Y không yêu cầu anh Ng phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 266, Điều 271 và điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025.

- Căn cứ các Điều 19, 21, 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Y . Cho chị Nguyễn Y được ly hôn anh Phạm Ng .

2. Về con chung: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao cháu Phạm Long Nhật, sinh ngày 07/10/2008 và Phạm Quốc Việt, sinh ngày 21/10/2010 cho chị Nguyễn Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Y không yêu cầu anh Phạm Ng phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn, Hội đồng xét xử tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, xét thấy quyền lợi của các con vẫn được đảm bảo nên hiện tại, anh Phạm Ng không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho đến khi có căn cứ làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 110, 116, 118 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Y phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006068 ngày 04/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai
- VKSND khu vực 8 – Gia Lai;
- Chi cục THADS khu vực 8 – Gia Lai;
- Các đương sự;
- UBND xã Chư Prông (GCNKH số: 125, ngày 24/12/2007 do UBND xã Chư Prông cấp);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trọng Việt Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ